TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2023
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Châu Giang;
2. Ông Trần Như Cường.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Đinh Phú Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Bị đơn: Anh Lò Văn T (La Văn T), sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2023 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Chị và anh Lò Văn T (La Văn T) trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện VY, tỉnh Yên Bái ngày 13 tháng 3 năm 2006. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính cách không phù hợp, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, anh T thường uống rượu sau đó gây sự với chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh T cả hai bên gia đình nội ngoại đều biết và có hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T (La Văn T).

Về con chung: Chị và anh Hiệp có 02 con chung Lò Tuấn H1, sinh ngày 13/7/2007 và Lò Quang H2, sinh ngày 09/5/2016. Ly hôn tôi có nguyện vọng trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H2 đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật và nhất trí để anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn anh Lò Văn T (La Văn T) trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn quá trình chung sống của vợ chồng như chị H đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 2 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi cọ, do nóng nảy nên cũng có lần tôi đánh chị H. Mâu thuẫn của hai vợ chồng anh đã được hai bên gia đình nội ngoại phân tích, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn chưa được cải thiện. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung Lò Tuấn H1, sinh ngày 13/7/2007 và Lò Quang H2, sinh ngày 09/5/2016. Ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H1 và nhất trí để chị H nuôi dưỡng con chung là cháu H2 và không ai phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung cho ai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Lò Văn T (La Văn T); Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lò Quang H2, sinh ngày 09/5/2016 và giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lò Tuấn H1, sinh ngày 13/7/2007. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị H, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài

liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Lò Văn T (La Văn T) kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện VY, tỉnh Yên Bái ngày 13 tháng 3 năm 2006. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị H và anh T tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu tin tưởng nhau.Chị H và anh T đã được hai bên gia đình phân tích, hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh T. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án anh T và chị H không cải thiện được tình cảm vợ chồng, chị H vẫn cương quyết ly hôn anh T. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung Lò Tuấn H1, sinh ngày 13/7/2007 và Lò Quang H2, sinh ngày 09/5/2016. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị H và anh T đã thống nhất thoả thuận, ly hôn chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H2 và anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T là chính đáng và cũng là phù hợp nguyện vọng của cháu H2 muốn được ở với chị H và cháu H1 muốn được ở với anh T. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thoả thuận này của chị H, anh T và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Ngô Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H được ly hôn anh Lò Văn T (La Văn T).

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Ngô Thị H và anh Lò Văn T (La Văn T). Giao chị Ngô Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lò Quang H2, sinh ngày 09/5/2016 đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật và giao anh Lò Văn T (La Văn T) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lò Tuấn H1, sinh ngày 13/7/2007 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số AA/2022/ 0001714 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Ngô Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị H, anh Lò Văn T (La Văn T) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện VY;
- Thi hành án DS huyện VY;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương